TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG HƯNG** **TỈNH THÁI BÌNH** ---***---	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 58/2020/HS-ST
Ngày 23/7/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG, TỈNH THÁI BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: **Ông Hoàng Văn Thành.**

* *Các hội thẩm nhân dân:* **1, Ông Mai Quý Hiệp.**

2, Bà Nguyễn Thị Vĩnh.

* *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* **Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* **Bà Đào Thị Kim Cúc** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 46/2020/HSST ngày 11 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55a/2020/HSST-QĐ ngày 09/7/2020, đối với các bị cáo:

1, Hoàng Trọng T (tên gọi khác: Nguyễn Trọng T), sinh ngày: 24/7/1990, tại xã L, huyện Đ, Thái Bình.

Nơi cư trú: Thôn K, xã L, huyện Đ, Thái Bình.

Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Nguyễn Trọng N, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1959.

Vợ, con: Chưa có.

Tiền án (có 2 tiền án):

- Bản án số 50/2016/HSST ngày 24/3/2016 của Tòa án nhân dân quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội xử phạt Trung 18 tháng tù về tội: "Trộm cắp tài sản". Trung chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/6/2017, chưa nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 6.100.000 tiền truy nộp.

- Bản án số 31/2018/HSST ngày 18/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xử phạt Trung 01 năm 03 tháng tù về tội: "Trộm

cắp tài sản". Trung nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm ngày 15/6/2018, chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/4/2019.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Quyết định số 235/QĐ-UB ngày 25/01/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình đưa Trung vào cơ sở giáo dục bắt buộc thời hạn 24 tháng, ngày 28/12/2014 Trung chấp hành xong.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/02/2020, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Đông Hưng, trích xuất có mặt tài phiên tòa.

2, Khúc Tiến N (tên gọi khác: Không), sinh ngày: 24/11/1998 tại xã L , huyện Đ, Thái Bình.

Nơi cư trú: Thôn K, xã L, huyện Đ, Thái Bình.

Trình độ học vấn: 06/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Khúc Tiến H, sinh năm 1962 và bà Phạm Thị X, sinh năm 1964.

Vợ, con: Chưa có.

Tiền án (có 1 tiền án): Bản án số 254/2017/HSST ngày 27/12/2017 của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội xử phạt Khúc Tiến Nam 27 tháng tù về tội: "Trộm cắp tài sản". N chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/9/2019, nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm ngày 22/3/2018.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 86/2015/HSST ngày 22/12/2015 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xử phạt Khúc Tiến N 01 năm 06 tháng tù về tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy". N chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/12/2016, nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm ngày 02/02/2016. (N thực hiện hành vi phạm tội khi 16 tuổi 8 tháng 19 ngày).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/02/2020 đến ngày 21/02/2020 chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Trích xuất có mặt tại phiên tòa.

3, Nguyễn Văn T (tên gọi khác: Không), sinh ngày: 19/8/1985 tại xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Thôn B, xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1954.

Vợ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1986.

Con: Có 3 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2011.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 14/2010/HSST ngày 05/5/2010 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xử phạt Nguyễn Văn Tưởng 09 tháng tù về tội: "Trộm cắp tài sản". T đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/11/2010, nộp án phí hình sự sơ thẩm ngày 02/7/2010.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/02/2020 đến ngày 20/02/2020 chuyển tạm giam, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Đông Hưng, trích xuất có mặt tại phiên tòa.

4, Nguyễn Trọng Đ (tên gọi khác: Không), sinh ngày: 19/02/1996, tại xã L, huyện Đ, Thái Bình.

Nơi cư trú: Thôn K, xã L, huyện Đ, Thái Bình.

Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Nguyễn Trọng N, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị H sinh năm 1968.

Gia đình có 02 chị em, bị can là con út.

Vợ, con: Chưa có.

Tiền án (có 02 tiền án):

- Bản án số 12/2015/HSST ngày 12/3/2015 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xử phạt Nguyễn Trọng Đ 02 năm tù về tội: "Cướp giật tài sản". Chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/8/2016, nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm ngày 15/5/2015.

- Bản án số 38/2018/HSPT ngày 29/6/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt Nguyễn Trọng Đ 01 năm 06 tháng tù về tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/7/2019, nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm ngày 20/7/2018.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2011, bị Công an huyện Đông Hưng xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi: "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/5/2020, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Đông Hưng, trích xuất có mặt tại phiên tòa.

**** Bị hại:***

1, Anh Nguyễn Đức A, sinh năm 1998

Trú tại: Thôn K, xã H, huyện H, Thanh Hóa.

2, Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1983

3, Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1974

4, Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1964

5, Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1967

Đều trú tại: Thôn K, xã A, huyện Đ, Thái Bình.

6, Ông Trần Văn T, sinh năm 1963

Trú tại: Thôn T, xã M, huyện Đ, Thái Bình.

7, Ông Bùi Đức C, sinh năm 1950

Trú tại: Thôn A, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

8, Ông Mai Văn B, sinh năm 1968

Trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, Thái Bình.

9, Bà Đinh Thị T, sinh năm 1969

Trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, Thái Bình.

10, Anh Bùi Văn D, sinh năm 1974

Trú tại thôn C, xã Đ, huyện Đ, Thái Bình.

11, Ông Bùi Ngọc X, sinh năm 1948

12, Chị Vũ Thị H, sinh năm 1977

13, Anh Vũ Hoàng L, sinh năm 2000

Đều trú tại: Thôn Đ, xã T, thành phố T, tỉnh Thái Bình

14, Anh Mai Văn H, sinh năm 1984

Trú tại: Thôn D, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa có mặt ông T, ông T, ông T, ông C, bà T, ông X, anh H; Vắng mặt anh Đức A, anh D, anh T, ông B, anh D, chị H, anh L)

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1, Anh Nguyễn Viết H, sinh năm 2003

Trú tại: Thôn*, xã T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

2, Ông Nguyễn Khắc T, sinh năm 1957

Trú tại: Thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

3, Anh Nguyễn Như T, sinh năm 1989

Trú tại: Thôn A, xã Đ, huyện Đ, Thái Bình.

4, Anh Bùi Văn T, sinh năm 1990

Trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng.

5, Anh Bùi Văn T, sinh năm 1985

Trú tại: Thôn T, xã T, huyện V, thành phố Hải Phòng.

6, Anh Phạm Văn N, sinh năm 1987

Trú tại: Tổ *, thị trấn Đ, huyện Đ, Thái Bình.

7, Chị Mai Thị L, sinh năm 1995

Trú tại: Thôn D, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

8, Chị Trần Thị Y, sinh năm 1985

Trú tại: Thôn *, xã Đ, huyện Đ, Thái Bình.

9, Chị Vũ Thị Thanh N, sinh năm 1990

Trú tại: Thôn K, xã A, huyện Đ, Thái Bình.

10, Ông Vũ Hồng P, sinh năm 1970

Trú tại: Thôn K, xã L, huyện Đ, Thái Bình.

11, Chị Hà Thị N, sinh năm 1985

Trú tại: Thôn N, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa vắng mặt tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan)

**** Người làm chứng:***

Chị Trần Thị H, sinh năm 1983 *(vắng mặt)*

Trú tại: Số nhà *** Nguyễn Trãi, phường P, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

PHẦN NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Các bị cáo Hoàng Trọng T là người nghiện ma túy; Nguyễn Văn T; Khúc Tiến N và Nguyễn Trọng Đ đều là bạn của T. Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2019 đến tháng 02/2020, Hoàng Trọng T, Khúc Tiến N và Nguyễn Văn T đã 13 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, trong đó T trộm cắp một mình 8 lần, T và N đồng phạm trộm cắp 2 lần, T và T đồng phạm trộm cắp 2 lần, một mình N trộm cắp 1 lần và Nguyễn Trọng Đ đã 2 lần tiêu thụ tài sản do Hoàng Trọng T phạm tội mà có. Cụ thể như sau:

- ***Lần thứ nhất:*** Khoảng 03 giờ 30 phút ngày 31/7/2019, sau khi chơi điện tử xong T đi nhờ xe ô tô chở khách từ xã A, huyện Q để đi về nhà, khi đi đến quốc lộ 10 thuộc xã Đ, huyện Đ thì T xuống xe mục đích xem ai có tài sản sơ hở thì trộm cắp. Đang đi, T nhìn thấy 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS màu trắng xanh, biển kiểm soát 17B3-143.05 của ông Mai Văn B để tại bờ ruộng giáp đường thôn B, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa xe, không có người trông coi. Ông B để xe tại đây để xuống ruộng bắt cá. T quan sát xung quanh không có ai nên đi bộ đến trộm cắp chiếc xe rồi điều khiển xe mô tô tới ngã tư V, huyện Q ngồi chờ đến 07 giờ cùng ngày thì mang xe đến xã A, huyện Q cầm cố cho ông Nguyễn Khắc T được 3.000.000 đồng. Số tiền này T đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 95 ngày 10/4/2020, Hội đồng định giá tài sản huyện Đông Hưng kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA

SIRIUS màu trắng xanh biển kiểm soát 17B3-143.05 trị giá 8.200.000 đồng. Ông Mai Văn B yêu cầu bị cáo T bồi thường 8.200.000 đồng.

- Lần thứ hai: Khoảng 23 giờ ngày 01/01/2020, T đi bộ từ nhà đến xã A mục đích trộm cắp tài sản. Khi đi đến nhà anh Nguyễn Văn D thì thấy cổng khép, không khóa, trong sân có dựng một chiếc xe máy điện nhãn hiệu ECOMOTOR sơn màu trắng đen, biển kiểm soát 17MĐ3-070.97 nên T mở cổng đi vào. T thấy cửa chính phòng khách nhà anh D không khóa, chỉ khép hờ nên đã mở cửa vào, thấy có 01 chiếc chìa khóa xe máy điện để ở cửa sổ phòng khách nên T cầm chiếc chìa khóa đi ra ngoài sân rồi dắt chiếc xe máy điện ra khỏi cổng, sau đó cắm chìa khóa vào ổ khóa của xe máy điện để mở thì mở được. T điều khiển xe ra quốc lộ 10 tới ngã ba Đ, xã Đ, huyện Q thuê nhà nghỉ và ngủ tại đó. Đến 07 giờ sáng ngày 02/01/2020, T điều khiển chiếc xe máy điện trộm được đến cầm cố cho ông Nguyễn Khắc T được 2.000.000 đồng. Số tiền này, T đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 95 ngày 10/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đông Hưng kết luận: Chiếc xe mô tô điện nhãn hiệu ECO MOTOR màu trắng đen, biển kiểm soát 17MĐ3-070.97 trị giá 7.700.000 đồng. Anh Nguyễn Văn D yêu cầu bị cáo T bồi thường 7.700.000 đồng.

- Lần thứ ba: Khoảng 23 giờ ngày 12/01/2020, T rủ bạn là Nguyễn Xuân T đang ở cùng phòng trọ của T tại xã P, thành phố Thái Bình đi trộm cắp tài sản, T đồng ý. Sau đó, T lấy xe mô tô Dream của N để ở sân trước cửa phòng trọ (lúc này N không có ở phòng) chở T đi về huyện Đ, khi đi đến cổng làng xã Đ thì để T ở đó còn T đi xe về phòng trọ của T ngủ. T đi bộ vào trong làng, khi đi đến nhà bà Đinh Thị T thì thấy nhà không có cổng, cửa chính khép hờ, trong nhà có bật đèn ngủ. T mở cửa đi qua phòng khách vào phòng ngủ thì thấy bà T đang nằm ngủ ở trên giường, có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6S PLUS, vỏ kim loại màu vàng đang cắm sạc pin ở đầu giường. T liền rút sạc pin ra khỏi điện thoại rồi cầm điện thoại bỏ vào túi quần phía trước bên phải T đang mặc, sau đó đi bộ ra đến cổng làng xã Đ gọi điện thoại cho T đến đón. Khoảng 30 phút sau, T đi xe máy Dream của N đến cổng làng Đ đón T về phòng trọ, khi về đến nơi, T nói dối T là không lấy trộm được gì. Đến 08 giờ ngày 13/01/2020, T đi xe máy Dream của N đến khu vực bến xe thành phố Thái Bình bán chiếc điện thoại trộm được cho một người nam giới ngoài 40 tuổi, không quen biết được 300.000 đồng. Số tiền này T đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 95 ngày 10/4/2020, Hội đồng định giá tài sản huyện Đông Hưng kết luận: Chiếc điện thoại đi động nhãn hiệu

IPHONE 6S PLUS vỏ kim loại màu vàng, màn hình cảm ứng của bà Đinh Thị T trị giá 1.400.000 đồng. Bà T yêu cầu bị cáo T bồi thường 1.400.000 đồng.

- Lần thứ tư: Khoảng 23 giờ ngày 14/01/2020, T đi bộ một mình từ nhà đến xã Đ mục đích xem ai có tài sản sơ hở thì trộm cắp. Khi đi đến nhà anh Bùi Văn D. Trung thấy nhà anh D cổng khóa trong, cửa chính phòng ngủ mở nên trèo qua tường bao xây bằng gạch, cao 1,5m vào trong sân, T quan sát xung quanh không có ai nên mở cửa vào trong phòng ngủ. T lấy trộm được 01 chiếc ví nam giả da màu vàng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy S7 vỏ màu trắng để ở trên mặt bàn trang điểm bỏ vào túi quần hậu bên phải T đang mặc, sau đó T đi ra ngoài sân rồi theo lối cũ ra ngoài. Trên đường đi về, T mở ví ra thấy có 3.020.000 đồng và 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe đều mang tên Bùi Văn D. T lấy toàn bộ số tiền trong ví bỏ tiền vào túi quần hậu bên phải đang mặc rồi vứt chiếc ví cùng những giấy tờ xuống lề đường rồi đi bộ về nhà ngủ. Đến 07 giờ sáng ngày 15/01/2020, T đi bộ một mình đến hiệu cầm đồ T ở xã Đ bán chiếc điện thoại nhãn hiệu SamSung Galaxy S7 cho anh Nguyễn Như T chủ hiệu được 500.000 đồng. Số tiền trộm cắp được T đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 95 ngày 10/4/2020, Hội đồng định giá tài sản huyện Đông Hưng kết luận: 01 điện thoại đi động nhãn hiệu SamSung Galaxy S7, màu trắng của anh Bùi Văn D trị giá 4.000.000 đồng; 01 chiếc ví nam giả da màu vàng của anh Bùi Văn D trị giá 50.000 đồng. Tổng tài sản trộm cắp là: 7.070.000 đồng . Anh D yêu cầu bị cáo T bồi thường 7.070.000 đồng, không yêu cầu bồi thường tiền chi phí làm lại chứng minh thư và giấy phép lái xe.

- Lần thứ năm: Khoảng 23 giờ ngày 20/01/2020, T đi bộ một mình từ phòng trọ ở xã P, thành phố Thái Bình đến xã T, thành phố Thái Bình xem ai có tài sản sơ hở thì trộm cắp. Khi đi đến nhà ông Bùi Ngọc X thì thấy cổng khóa trong, bờ tường bao xây bằng gạch phía trên có rào gai cao 1,5 mét không thể trèo qua được nên T đã trèo qua trụ cổng nhà bà Ngô Thị T ở cạnh nhà ông X, rồi trèo qua vách ngăn bằng sắt, ngăn giữa hai nhà để vào sân nhà ông X. T thấy có một chùm chìa khóa treo trên tường cạnh cửa chính, T đi tiếp xuống bếp, thấy bếp chỉ cài then không khóa nên rút then cài mở cửa vào trong, thấy 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE RSX sơn màu đỏ đen, biển kiểm soát 17B9-153.72 của ông X. T liền dắt xe ra dựng sát cổng rồi quay vào lấy chùm chìa khóa treo trên tường để mở khóa cổng thì mở được. T dắt xe ra khỏi cổng khoảng 20 mét thì lấy 1 chìa trong chùm chìa khóa lấy được mở được khóa điện và điều khiển xe đi về phòng trọ. Đến 08 giờ ngày 21/01/2020, T

điều khiển xe đến cầm cố cho ông Nguyễn Khắc T được 4.000.000 đồng. Số tiền này T đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 95 ngày 10/4/2020, Hội đồng định giá tài sản huyện Đông Hưng kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE RSX sơn màu đỏ đen, đeo biển kiểm soát 17B9-153.72 trị giá 11.500.000 đồng. Ông X yêu cầu bị cáo Trung bồi thường 11.500.000 đồng.

- Lần thứ sáu: Khoảng 23 giờ ngày 29/01/2020, T đi bộ một mình từ phòng trọ ở xã P, thành phố Thái Bình đến khu vực xã T, thành phố Thái Bình để xem ai có tài sản sơ hở thì trộm cắp. Khi đi đến nhà chị Vũ Thị H, T thấy nhà chị H cổng khóa trong, bờ tường bao xây bằng gạch cao khoảng 1,5 mét. Quan sát xung quanh nhà không có ai nên trèo qua tường bao vào sân thì thấy cửa chính phòng khách chỉ khép hờ, không khóa, không cài then nên mở cửa vào trong nhà. Trung thấy có một chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS màu xanh đen biển kiểm soát 17M1-0303 để ở phòng khách và một chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO Neo5 vỏ màu trắng của chị H để ở đầu giường, cạnh chỗ chị H đang nằm ngủ, T liền lấy chiếc điện thoại bỏ vào túi quần phía trước bên phải T đang mặc rồi tiếp tục đi vào trong phòng ngủ thì thấy một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F9, vỏ màu đỏ và 01 chiếc ba lô bằng vải của anh Vũ Hoàng L, là con trai chị H để ở đầu giường cạnh chỗ anh L đang ngủ. T mở ba lô thấy bên có một chìa khóa xe máy, T lấy chiếc chìa khóa cầm trên tay và lấy chiếc điện thoại OPPO F9 bỏ vào túi quần hậu bên phải T đang mặc. Sau đó, T quay ra phòng khách thấy có chùm chìa khóa để trên mặt bàn uống nước nên cầm chùm chìa khóa đi đến gần chiếc xe máy SIRIUS dùng hai tay cầm vào ghi đông rồi gạt chân chống để lấy chiếc xe. Khi T đang dắt lùi chiếc xe được khoảng 01 mét thì chị H nghe thấy tiếng động nên tỉnh giấc, chị hỏi: "L ơi làm gì mà không bật điện lên". Biết bị phát hiện nên T vứt toàn bộ chìa khóa xuống nền nhà, để chiếc xe mô tô SIRIUS đổ dựa vào tường, rồi bỏ chạy, trèo qua tường bao ra ngoài đường. T rẽ trái chạy theo hướng bờ sông về phòng trọ. Đến nơi, T gọi N ra mở cửa, N ra mở cửa cho T vào rồi đi ngủ tiếp, T không nói gì nên N không biết T vừa đi trộm cắp được tài sản về. T ngủ đến 08 giờ ngày 30/01/2020 thì dậy lấy xe mô tô nhãn hiệu Dream của N đi đến hiệu cầm đồ T ở xã Đ, huyện Đ cầm cố 02 chiếc điện thoại trộm cắp cho anh Nguyễn Như T chủ hiệu được 2.000.000 đồng. Số tiền này T đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 95 ngày 10/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đông Hưng kết luận: 01 điện thoại đi động nhãn hiệu OPPO Neo5, vỏ màu trắng của chị Vũ Thị H trị giá 800.000đ *(Tám trăm nghìn*

đồng); 01 điện thoại đi động nhãn hiệu OPPO F9 vỏ màu đỏ của anh Vũ Hoàng L trị giá 5.200.000 đồng. Chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS màu xanh đen biển kiểm soát 17M1-0303 trị giá 5.000.000 đồng.Tổng tài sản bị trộm cắp trị giá 11.000.000 đồng. Chị H và cháu L yêu cầu bị cáo T bồi thường giá trị 02 chiếc điện thoại OPPO Neo5 và OPPO F9 là 6.000.000 đồng. Chiếc xe mô tô bị cáo làm đổ không bị hư hỏng, không yêu cầu bồi thường.

- Lần thứ bảy: Khoảng 23 giờ ngày 03/02/2020, T đi bộ một mình từ nhà đến xã P mục đích xem ai có tài sản để sơ hở thì trộm cắp. Khi đi đến nhà anh Mai Văn H thấy cổng khóa trong, cửa chính phòng khách mở hé, T liền trèo qua tường bao vào trong sân thì thấy có 02 chiếc xe mô tô để ở sân nhà anh H. T đi đến cửa chính phòng khách mở cửa, đi qua phòng khách vào phòng ngủ thì thấy 01 chùm chìa khóa để trên bàn học, T lấy chùm chìa khóa và đi ra ngoài mở khóa cổng. Sau khi mở được cổng, T cầm chùm chìa khóa quay vào sân, thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS sơn màu trắng xanh biển kiểm soát 17B3-157.89 không khóa cổ, khóa càng nên T dắt xe ra khỏi cổng, rẽ phải khoảng 50 mét thì T dừng lại cắm chìa khóa vào ổ khóa điện mở khóa khởi động và điều khiển xe đi về nhà Nguyễn Trọng Đ, khi gần đến nơi thì T gọi điện cho Đ ra ngõ để gặp T. Gặp Đ, T nói: "Đẩy" hộ tao cái, xe này thì không có giấy tờ xe". Đ hiểu ý T muốn nhờ Đ bán hộ xe, Đ hỏi: "Xe này ở đâu", T trả lời: "Xe này tao lấy trộm ở bên P". Đạo nói: "Được rồi, để tao "đẩy" đi cho". T đưa xe mô tô cho Đ, Đ dắt xe cất giấu ở sân vận động gần nhà Đ rồi về nhà ngủ tiếp. Đến 09 giờ cùng ngày, Đ ra chỗ cất giấu lấy xe, điều khiển xe tới cầm cố tại hiệu cầm đồ của ông Nguyễn Khắc T được 3.000.000 đồng rồi đón xe taxi về nhà. Đến 14 giờ ngày 04/02/2020, Đạ gọi điện thoại cho T, hẹn ra khu vực cánh đồng gần nhà T, tại đây Đ nói với T: "Bán xe được ba triệu", Đ đưa cho T 2.000.000 đồng, số tiền bán xe, T và Đ đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 95 ngày 10/4/2020, Hội đồng định giá tài sản huyện Đông Hưng kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS màu trắng xanh biển kiểm soát 17B3-157.89 trị giá 8.200.000 đồng. Anh H yêu cầu bị cáo T bồi thường 8.200.000 đồng.

- Lần thứ tám: Khoảng 23 giờ ngày 06/02/2020, T đi bộ một mình từ nhà T đến xã A mục đích xem ai có tài sản để sơ hở thì trộm cắp. Khi đi đến nhà ông Nguyễn Đình T, T thấy nhà ông T có cổng bằng sắt đang mở, đi vào trong sân thấy có 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SuperDream màu nâu trắng biển kiểm soát 17M3-7213 để ở sân, chìa khóa cắm ở ổ khóa của xe, không thấy ai nên T dắt chiếc xe mô tô ra ngoài cổng. Dắt xe đi bộ được khoảng 50

mét thì T dừng lại kiểm tra trong cốp xe, thấy có 01 đăng kí xe mô tô biển kiểm soát 17M3-7213 mang tên Nguyễn Đình T. T cầm đăng kí xe, nổ máy đi đến gần nhà Nguyễn Trọng Đ thì gọi Đ ra và nhờ Đ bán xe giúp. T mang xe đến vào ban đêm nên Đ biết rõ là xe do T trộm cắp mà có, Đ đồng ý bán xe giúp T. T đưa xe cùng đăng kí xe vừa trộm cắp cho Đ rồi đi về nhà ngủ, còn Đ dắt chiếc xe ra sân vận động gần đó cất giấu. Khoảng 09 giờ ngày 07/02/2020, Đ ra chỗ cất giấu lấy xe, điều khiển xe đến gặp anh Bùi Văn T làm nghề mua bán xe mô tô cũ. Đ nói với anh T là xe mô tô này của bác Đ bán cho bố Đ, Đ lấy xe của bố đem đi bán vì đang cần 10.000.000đ để đi học bằng lái xe ô tô đồng thời đưa giấy đăng kí xe cho anh T xem. Anh T kiểm tra xe và đăng ký xe rồi đồng ý mua xe với giá 10.000.000đ. Sau đó anh T yêu cầu Đ đưa giấy tờ tùy thân của Đ để anh còn làm thủ tục chuyển nhượng và đăng ký lại xe. Đ liền đưa cho anh T 01 bản phô tô công chứng CMND, 01 giấy khai sinh, 01 sơ yếu lý lịch, 01 đơn xin xác nhận dân sự đều mang tên Nguyễn Trọng Đ và 01 bản phô tô công chứng sổ hộ khẩu gia đình mang tên Nguyễn Trọng N là bố của Đ. Anh T nhận các giấy tờ Đ đưa và dùng điện thoại chụp ảnh chân dung của Đ, yêu cầu Đ viết giấy bán xe, kí tên đầy đủ rồi trả Đ 10.000.000đ. Đ nhận đủ tiền rồi đón xe taxi về nhà. Đến 13 giờ 30 phút cùng ngày, Đ gọi điện thoại cho T hẹn ra khu vực cánh đồng gần nhà T, tại đây nói dối T là đã bán xe mô tô trên được 2.000.000đ, Đ đưa cho Trung 1.000.000đ. Toàn bộ số tiền bán xe, Đ và T đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 95 ngày 10/4/2020, Hội đồng định giá tài sản huyện Đông Hưng kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu SuperDream màu nâu trắng biển kiểm soát 17M3-7213 của ông Nguyễn Đình T trị giá 10.000.000 đồng. Cơ quan điều tra đã thu giữ được xe mô tô trả cho ông T, ông T đã trả cho anh Bùi Văn T 10.000.000 đồng, ông T yêu cầu bị cáo T trả cho ông 10.000.000 đồng.

- Lần thứ chín: Khoảng 22 giờ ngày 13/12/2019, T gọi điện thoại cho T hỏi: "Có đi chợ không", T hiểu ý T rủ đi trộm cắp tài sản nên đồng ý. T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, sơn màu trắng không rõ biển kiểm soát của T đi đến hội trường thôn K, xã L chở T đến khu vực xã A. Khi đi đến cánh đồng xã A thì T và T dựng xe ở cánh đồng, sau đó thống nhất mỗi người đi bộ một hướng xem nhà ai để tài sản sơ hở thì trộm cắp. T đi theo đường máng bê tông đến trang trại nhà ông Nguyễn Đình T, thấy trang trại không có người trông coi, không có cổng, trong trang trại có một chuồng nuôi nhiều gà nên T vào bắt được 03 con gà ta, đều là gà trống lông màu vàng, mỗi con nặng khoảng 2,5kg. Còn T đi vào trong khu dân cư thấy nhà anh Nguyễn Văn D

cổng không khoá chỉ cài then, cửa nhà khép hờ, ở sân có 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha màu xanh đen bạc, biển kiểm soát: 17B3-238.03 và 01 xe máy điện. T mở cổng đi vào thấy xe mô tô vẫn cắm chìa khóa ở ổ khóa điện. T đến gần dắt xe ra ngoài cổng rồi nổ máy điều khiển xe đi đến chỗ để xe mô tô của T ở cánh đồng. Lúc này, T nhìn thấy T đang xách 03 con gà thì nói: "gà qué gì nữa, đi thôi", T liền vứt lại 03 con gà ngoài cánh đồng. T đi xe mô tô của T, T đi xe mô tô vừa trộm cắp được đến cầu V thuộc xã A, huyện Q thì T và T dừng lại, cùng kiểm tra trong cốp xe vừa trộm cắp được, thấy có 01 đăng kí xe và 01 giấy phép lái xe mang tên Vũ Thị Thanh N ở xã A, huyện Đ (chị Nh là vợ anh D). T và T cầm giấy tờ xe và tiếp tục đi đến Bệnh viện Đa khoa P, huyện Q để gửi chiếc xe trộm cắp, sau đó T dùng xe mô tô của T chở T về nhà. Đến khoảng 10 giờ ngày 14/12/2019, T chở T đến Bệnh viện Đa khoa P lấy chiếc xe mô tô đã trộm cắp được rồi cùng đi đến hiệu cầm đồ của anh Bùi Văn T, T vào cầm cố chiếc xe trộm cắp được 7.000.000 đồng. Sau đó T dùng xe mô tô của T chở T về, T chia cho T 300.000 đồng, số tiền này cả hai đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 63 ngày 19/02/2020, Hội đồng định giá tài sản huyện Đông Hưng kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu xanh đen bạc, biển kiểm soát 17B3-238.03 của gia đình anh D trị giá 11.040.000 đồng. Tại Kết luận định giá tài sản số 95 ngày 10/4/2020, Hội đồng định giá tài sản huyện Đông Hưng kết luận: 03 con gà trống, loại gà thịt, lông màu vàng đỏ, mỗi con nặng 2,5kg trị giá 450.000 đồng. Tổng giá trị tài sản các bị cáo trộm cắp được là 11.490.000 đồng. Cơ quan điều tra đã thu được xe mô tô biển kiểm soát 17B3-238.03 trả cho gia đình anh D, anh D đã trả cho anh Bùi Văn T 7.000.000 đồng, anh D yêu cầu các bị cáo phải trả anh 7.000.000 đồng. Chị N không yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền để làm lại giấy phép lái xe, anh T không yêu cầu bồi thường số gà bị mất.

- Lần thứ mười: Khoảng 23 giờ ngày 06/02/2020, T đang chơi điện tử ở quán Internet trên địa bàn xã M thì T gọi điện cho T nói: "mày đang ở đâu, có đi chợ không" T hiểu ý T rủ đi trộm cắp tài sản nên đồng ý và hẹn nhau đến địa bàn xã A để trộm cắp tài sản. T đi bộ từ nhà tới đoạn đường mới cách Ủy ban nhân dân xã A khoảng 1km thì gặp T đi bộ đến, T nói: "Giờ mỗi người đi một hướng cho dễ lấy". Sau đó T đi vào trong xã A để trộm cắp tài sản nhưng không trộm được tài sản gì nên quay lại quán internet ở xã M lấy chiếc xe máy T mượn của Nguyễn Trọng Đ (không xác định được nhãn hiệu và biển kiểm soát của xe) gửi ở đó trước khi đi trộm cắp tài sản. Sau đó, T điều khiển xe về nhà ngủ còn T đi theo hướng bờ sông. Khi đi đến nhà ông Nguyễn Đình T,

thấy cổng bằng sắt có khóa trong, bờ tường bao xây bằng gạch cao khoảng 2 mét, trong sân có 01 chiếc xe đạp điện nhãn hiệu Giant m133s, màu đen và 01 chiếc xe mô tô để cạnh đó. T dùng tay sờ phía trong trụ cổng thì thấy có 02 chìa khóa liền lấy mở khóa cổng rồi vào trong sân, thấy chiếc xe đạp điện còn cắm chìa khóa ở ổ khóa xe liền dắt xe ra khỏi cổng thì mở khóa điện, điều khiển xe đi đến hướng nhà ông Nguyễn Khắc T để cầm cố. Khi đi tới ngã ba Đ thuộc xã Đ, huyện Q thì xe bị hết điện không đi được nên T gọi điện cho T nói: "Vừa trộm được chiếc xe điện, đang đi lên nhà T thì xe hết điện". Khoảng 20 phút sau, T đi xe mô tô của Đ đến chỗ T, T hỏi: "Xe lấy được bao giờ", T nói: "Lấy được lúc nãy ở A". Sau đó T dùng xe mô tô của Đ kéo T ngồi trên chiếc xe đạp điện trộm được đến nhà Nguyễn Khắc T và cầm cố được 1.700.000đ, T chia cho T 700.000đ, số tiền này T và T tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 95 ngày 10/4/2020, Hội đồng định giá tài sản huyện Đông Hưng kết luận: Chiếc xe đạp điện nhãn hiệu Giant m133s sơn màu đen, không đeo biển kiểm soát của ông Nguyễn Đình T trị giá 3.000.000 đồng. Ông T yêu cầu các bị cáo bồi thường 3.000.000 đồng.

- Lần thứ mười một: Khoảng 21giờ ngày 05/01/2020, T cùng N đi chơi điện tử trên địa bàn huyện Q. Đến khoảng 24 giờ cùng ngày, thì T nói với N: "có đi chợ không", N hiểu là T rủ đi trộm cắp tài sản nên đồng ý. Sau đó N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Dream của N (không rõ biển kiểm soát) chở T đến xã M. Khi đi đến cổng trường Tiểu học xã M thì T xuống xe đi bộ xem nhà ai để tài sản sơ hở thì trộm cắp còn N điều khiển xe về ngủ tại nhà nghỉ gần bến xe khách Đ. Đi bộ được một đoạn thì T phát hiện trong sân nhà ông Trần Văn T có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu WaveS, sơn màu đỏ xám đen, biển kiểm soát 17M3-1507. Cổng chỉ cài then không khoá nên T mở cổng đi vào thì thấy chìa khoá vẫn cắm ở ổ khóa xe mô tô. Cửa nhà chỉ khép hờ nên T mở cửa đi vào trong nhà thì thấy 01 chiếc Ipad màu trắng, 01 điện thoại di động Samsung J5 màu đen để trên mặt kệ tủ để tivi ở trong phòng khách, T lấy điện thoại bỏ vào túi quần bên phải đang mặc, cầm Ipad trên tay phải rồi tiếp tục đi vào phòng ngủ thì thấy 01 điện thoại Nokia 105 màu đen đang để trên mặt bàn trong phòng ngủ liền lấy bỏ vào trong túi quần rồi đi ra ngoài sân dắt chiếc xe mô tô ra khỏi cổng, vặn chìa khóa để khởi động xe nhưng không khởi động được nên T đã dắt bộ xe ra ngoài và vừa dắt xe vừa gọi điện thoại cho N đến hỗ trợ. Sau đó, N đi xe mô tô Dream từ nhà nghỉ lên cùng T đẩy chiếc xe vừa trộm được về nhà nghỉ gần bến xe khách Đ. Tại nhà nghỉ, T khoe với N còn trộm thêm được 02 chiếc điện thoại, 01 chiếc máy tính bảng Ipad và đưa chiếc Ipad cho N để mang đi bán, sau đó cả 2 đi ngủ. Đến 9 giờ sáng hôm sau, N đi

xe mô tô Dream của mình còn T khởi động được chiếc xe máy trộm được cùng điều khiển đi đến nhà ông Nguyễn Khắc T, T vào cầm cố chiếc xe trộm cắp được 2.500.000 đồng. Sau đó, N chở T đến hiệu cầm đồ T ở xã Đ, huyện Đ bán 02 chiếc điện thoại trộm cắp được 1.650.000 đồng. Sáng ngày hôm sau, N mang chiếc máy tính bảng Ipad trộm được đến cửa hàng điện thoại H ở thị trấn Đ bán được 200.000 đồng. Toàn bộ số tiền bán tài sản trộm cắp, T và N cùng tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 59 ngày 17/02/2020, Hội đồng định giá tài sản huyện Đông Hưng kết luận: 01 xe mô tô Honda WaveS biển kiểm soát 17M3-1507 trị giá 3.000.000 đồng; Chiếc Ipad trị giá 1.440.000 đồng; 01 điện thoại di động Sam Sung J5 có giá trị 2.720.000 đồng; 01 điện thoại di động Nokia 105 trị giá 140.000 đồng, tổng giá trị tài sản trộm cắp là 7.300.000 đồng. Cơ quan điều tra đã thu được chiếc Ipad trả cho ông T. Ông T yêu cầu các bị cáo bồi thường đối với các tài sản còn lại bị mất, tổng là 5.860.000 đồng. Anh Phạm Văn N, chủ cửa hàng điện thoại H không yêu cầu bị cáo N phải hoàn trả anh 200.000 đồng tiền mua Ipad.

- Lần thứ mười hai: Khoảng 23 giờ ngày 07/01/2020, tại phòng trọ ở xã P, thành phố Thái Bình. T rủ N đi trộm cắp tài sản thì N đồng ý. N lấy xe máy Dream của N (không xác định được biển kiểm soát) chở T theo quốc lộ 10 đến khu vực ngã tư K, xã Đ, huyện Q thì dừng lại, T xuống xe đi bộ xem có nhà ai sơ hở thì vào trộm cắp tài sản. T dặn N 02 giờ sáng ngày hôm sau quay lại đón T. N đồng ý và đi xe về phòng trọ ngủ. T đi bộ đến nhà ông Bùi Đức C thấy cổng khóa, trong sân có 1 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave sơn màu đỏ đen, biển kiểm soát 25F1-9231. Trung trèo qua tường vào sân, thấy chùm chìa khóa còn cắm ở ổ khóa của xe nên T dắt chiếc xe mô tô ra gần cổng rồi dùng chùm chìa khóa cắm ở ổ khóa của xe mở khóa cổng thì mở được. Sau đó, T dắt xe ra đường thôn, cách nhà ông C khoảng 100 mét thì khởi động xe nhưng không khởi động được. T tiếp tục dắt xe ra Quốc lộ 10 đến khu vực ngã tư K thì dừng lại, đứng chờ N. Khoảng 02 giờ ngày 08/01/2020, N đi xe mô tô của N đến, T ngồi trên xe mô tô vừa trộm cắp được, còn N điều khiển xe mô tô của N để đẩy T và xe trộm được về nhà trọ ở thành phố Thái Bình. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, N dùng chìa khóa xe khởi động chiếc xe trộm được thì khởi động được nên N đi xe máy Dream của mình còn T đi xe mô tô trộm cắp được đến hiệu cầm đồ T ở xã Đ, huyện Đông Hưng cầm cố được 2.000.000 đồng. Sau đó N chở T bằng xe mô tô của N về phòng trọ, T chia cho N 1.000.000đ, số tiền này cả hai đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 95 ngày 10/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đông Hưng kết luận: 01 xe mô tô Honda Wave sơn màu đỏ đen, mang biển kiểm soát 25F1-9231 của ông C trị giá: 4.500.000 đồng. Ông C yêu cầu các bị cáo bồi thường 4.500.000 đồng.

- Lần thứ mười ba: Khoảng 09 giờ ngày 31/01/2020, N đi xe khách từ thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đi thăm bạn là Nguyễn Đức A, sinh năm 1998 tại một nhà trọ ở xóm C, xã Đ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa và ở lại chơi. Khoảng 23 giờ ngày 02/02/2020, Đức A dùng xe mô tô nhãn hiệu Yamaha EXCITER màu đỏ-đen, biển kiểm soát 36B6-965.05 do Đức A mượn từ trước của bạn là anh Nguyễn Viết H chở N đi ăn đêm tại số nhà *** Nguyễn Trãi, phường P, thành phố Thanh Hóa. Đến nơi, Đức A để xe trước cửa quán rồi cùng N vào quán, N ngồi tại bàn ăn còn Đức A để chìa khóa xe mô tô ở trên mặt bàn chỗ N ngồi rồi ra phía sau quán ăn đi vệ sinh. Lúc này, N nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô Đức A vừa đi nên N lấy luôn chìa khóa xe Đức A vừa để trên mặt bàn đi ra khởi động xe mô tô và điều khiển xe đi Hà Nội. Đến nơi, N đã gửi xe tại quán karaoke B ở đường Q, phường Đ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, nơi N làm thuê. Đến 09 giờ ngày 12/02/2020, N điều khiển xe trộm cắp được từ Hà Nội đi đến nhà Nguyễn Khắc T, cầm cố được 7.000.000đ, số tiền này N đã tiêu xài cá nhân hết. Cơ quan điều tra thành phố Thanh Hóa đã thu giữ được xe tại nhà ông T và trả cho anh H, anh H đã nhận lại xe xác định còn nguyên vẹn nên không yêu cầu bị cáo bồi thường. Ông Nguyễn Khắc T không yêu cầu bị cáo N phải hoàn lại 7.000.000 đồng mà ông đã mua xe.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 45 ngày 20/02/2020, Hội đồng định giá tài sản thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha EXCITER màu đỏ-đen, biển kiểm soát 36B6-965.05 trị giá 33.250.000 đồng.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Khúc Tiến N, Hoàng Trọng T, Nguyễn Văn T và Nguyễn Trọng Đ, Cơ quan điều tra không thu giữ được đồ vật, tài liệu gì.

Tại phiên tòa các bị cáo Hoàng Trọng T, Khúc Tiến N, Nguyễn Văn T và Nguyễn Trọng Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên Cáo trạng số 47/KSĐT ngày 08/6/2020 đã truy tố, hành vi của bị cáo Hoàng Trọng T đủ yếu tố cấu thành tội: "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; Các bị cáo Khúc Tiến N, Nguyễn Văn T đủ yếu tố cấu thành tội: "Trộm cắp tài sản" theo quy

định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; Bị cáo Nguyễn Trọng Đ đủ yếu tố cấu thành tội: "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 323 Bộ luật hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về áp dụng điều luật và hình phạt:

+ Áp dụng điểm c, g khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s, r khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Trọng T từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù giam.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s, r khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Khúc Tiến N từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù giam.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù giam.

+ Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 323; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng Đ từ 03 năm 03 tháng đến 03 năm 06 tháng tù giam.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo Hoàng Trọng T, Khúc Tiến N, Nguyễn Văn T và Nguyễn Trọng Đ.

* Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo Hoàng Trọng T, Khúc Tiến N, Nguyễn Văn T phải bồi thường cho các bị hại.

Buộc bị cáo Nguyễn Trọng Đ phải nộp lại số tiền 10.000.000 đồng hưởng lợi do phạm tội mà có.

* Ngoài ra còn đề nghị xử lý về vật chứng và án phí.

Các bị cáo Hoàng Trọng T, Khúc Tiến N, Nguyễn Văn T và Nguyễn Trọng Đ nói lời sau cùng: Các bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các quy định của pháp luật giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

PHẦN NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Hưng, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu

nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Hoàng Trọng T, Khúc Tiến N, Nguyễn Văn T và Nguyễn Trọng Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như bản cáo trạng đã mô tả. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với chính lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra; Các bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản huyện Đông Hưng và thành phố Thanh Hóa (Bút lục số 183, 192 đến 193, 199, 205 đến 206); Các biên bản xác định hiện trường và sơ đồ hiện trường (Bút lục số 153 đến 181); Các Bản kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình về số khung, số máy các xe mô tô biển kiểm soát 17B3-238.03 và 17M3-7213 (Bút lục số 273 đến 274); Lời khai của các bị hại anh Nguyễn Đức A, anh Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Đình T, ông Nguyễn Đình T, ông Trần Văn T, ông Bùi Đức C, ông Mai Văn B, bà Đinh Thị T, anh Bùi Văn D, ông Bùi Ngọc X, chị Vũ Thị H, anh Vũ Hoàng L, anh Mai Văn H, ông Nguyễn Đình T (Bút lục số 508 đến 568); Lời khai của những người có quyền lợi liên quan anh Nguyễn Viết H, ông Nguyễn Khắc T, anh Nguyễn Như T, anh Bùi Văn T, anh Bùi Văn T, anh Phạm Văn N, chị Mai Thị L, chị Trần Thị Y, chị Vũ Thị Thanh N, ông Vũ Hồng P, chị Hà Thị N (Bút lục số 575 đến 612); Lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Viết H, ông Nguyễn Khắc T; anh Nguyễn Như T, anh Bùi Văn T, anh Bùi Văn T, anh Phạm Văn N, chị Mai Thị L, chị Trần Thị Y, chị Vũ Thị Thanh N, ông Vũ Hồng P, chị Hà Thị N (Bút lục số 575 đến 612); Lời khai của người làm chứng là chị Trần Thị H (Bút lục số 615 đến 620) cùng toàn bộ các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Do vậy có đủ cơ sở kết luận: Từ tháng 7/2019 đến tháng 02/2020, các bị cáo Hoàng Trọng T, Nguyễn Văn T và Khúc Tiến N đã 13 lần trộm cắp tài sản, trong đó: Bị cáo Hoàng Trọng T 12 lần trộm cắp tài sản (08 lần thực hiện một mình, 02 lần đồng phạm với N và 02 lần đồng phạm với T) với tổng trị giá tài sản trộm cắp là 91.360.000 đồng (trong đó bị cáo T 01 lần thực hiện việc trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS màu xanh biển kiểm soát 17M1-0303 của chị Vũ Thị H, tuy chưa hoàn thành nhưng bị cáo vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội chưa đạt của bị cáo); Bị cáo Khúc Tiến N 3 lần trộm cắp tài sản (01 lần thực hiện một mình và 02 lần đồng phạm với T) với tổng trị giá tài sản trộm cắp là 45.050.000 đồng; Bị cáo Nguyễn Văn T 02 lần đồng phạm với T trộm cắp tài sản với tổng trị giá tài sản trộm cắp là 14.490.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Trọng Đ 02 lần có hành vi tiêu thụ tài sản mà Đ biết rõ là tài sản do bị cáo Hoàng Trọng T trộm cắp mà có, tổng trị giá tài sản là 18.200.000 đồng.

[2.1] Hành vi của bị cáo Hoàng Trọng T đã phạm vào tội: *"Trộm cắp tài sản"* theo điểm c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo Khúc Tiến N và Nguyễn Văn T đã phạm vào tội: *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. hành vi của bị cáo Nguyễn Trọng Đ đã phạm vào tội: *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"* theo điểm đ khoản 2 Điều 323 Bộ luật hình sự

"Điều 173. Tội trộm cắp tài sản:

1.Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ;

đ) Tài sản là di vật, cổ vật.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) Có tổ chức;

b) Có tính chất chuyên nghiệp;

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

d) Dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm;

đ) Hành hung để tẩu thoát;

e) Tài sản là bảo vật quốc gia;

g) Tái phạm nguy hiểm.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

b) Lợi dụng thiên tai, dịch bệnh.

4.Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên;

b) Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

Điều 323. Tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có:

1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

a) Có tổ chức;

b) Có tính chất chuyên nghiệp;

c) Tài sản, vật phạm pháp trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng;

d) Thu lợi bất chính từ 20.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng;

đ) Tái phạm nguy hiểm.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 10 năm:

a) Tài sản, vật phạm pháp trị giá từ 300.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;

b) Thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng.

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm:

a) Tài sản, vật phạm pháp trị giá 1.000.000.000 đồng trở lên;

b) Thu lợi bất chính 300.000.000 đồng trở lên.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản".

[2.2] Xét tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy: Hành vi của các bị cáo Hoàng Trọng T, Khúc Tiến N, Nguyễn Văn T và Nguyễn Trọng Đ là nguy hiểm cho xã hội. Bởi lẽ: Hành vi của các bị cáo Hoàng Trọng T, Khúc Tiến N, Nguyễn Văn T đã trực tiếp xâm phạm đến

quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an xã hội, gây tâm lý hoang mang, lo lắng và dư luận xấu trong quần chúng nhân dân; Đối với bị cáo Nguyễn Trọng Đ đã tiếp tay cho bị cáo Hoàng Trọng T thực hiện tội phạm, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự và an toàn xã hội. Do vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Khi xem xét, cân nhắc hình phạt Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Về tình tiết tăng nặng:

+ Các bị cáo Hoàng Trọng T, Khúc Tiến N, Nguyễn Văn T và Nguyễn Trọng Đ phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g (phạm tội từ 02 lần trở lên) khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Khúc Tiến N bị áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h (tái phạm) khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự

+ Bị cáo Khúc Tiến N phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h (tái phạm) khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Về các tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; riêng bị cáo Khúc Tiến N và Hoàng Trọng T sau khi phạm tội đã tự thú còn được áp dụng tiết giảm nhẹ là tự thú quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Vì vậy cần áp dụng mức hình phạt như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tại phiên tòa là phù hợp.

[2.3] Về hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự và khoản 5 Điều 323 của Bộ luật hình sự. Người phạm tội còn có thể bị phạt bổ sung, tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định, sống phụ thuộc vào gia đình, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[3] ***Về trách nhiệm dân sự:*** Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47; khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 587, 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Ông Mai Văn B, sinh năm 1968, trú tại thôn Đ, xã Đ yêu cầu bị cáo Hoàng Trọng T phải bồi thường giá trị 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS màu trắng xanh, biển kiểm soát 17B3-143.05 là 8.200.000 đồng, cần được chấp nhận.

- Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1983, trú tại thôn K, xã A yêu cầu bị cáo Hoàng Trọng T phải bồi thường giá trị 01 xe máy điện nhãn hiệu ECOMOTOR sơn màu trắng đen, biển kiểm soát 17MĐ3-070.97 là 7.700.000 đồng, cần được chấp nhận.

- Bà Đinh Thị T, sinh năm 1969, trú tại thôn T, xã Đ yêu cầu bị cáo Hoàng Trọng T phải bồi thường giá trị 01 điện thoại nhãn hiệu IPHONE 6S PLUS, vỏ kim loại màu vàng là 1.400.000 đồng, cần được chấp nhận.

- Anh Bùi Văn D, sinh năm 1974, trú tại thôn C, xã Đ yêu cầu bị cáo Hoàng Trọng T phải bồi thường giá trị 01 điện thoại đi động nhãn hiệu SamSung Galaxy S7; 01 chiếc ví nam giả da màu vàng và 3.020.000 đồng. Tổng là: 7.070.000 đồng, cần được chấp nhận.

- Ông Bùi Ngọc X, sinh năm 1948, trú tại thôn Đ, xã T yêu cầu bị cáo Hoàng Trọng T phải bồi thường giá trị 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE RSX sơn màu đỏ đen, biển kiểm soát 17B9-153.72 là 11.500.000 đồng, cần được chấp nhận.

- Chị Vũ Thị H, sinh năm 1977, trú tại thôn Đ, xã T, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình yêu cầu bị cáo Hoàng Trọng T phải bồi thường cho chị 01 điện thoại đi động nhãn hiệu OPPO Neo5 trị giá 800.000 đồng và 01 điện thoại đi động nhãn hiệu OPPO F9, trị giá 5.200.000 đồng, tổng giá trị tài sản là 6.000.000 đồng; Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS màu xanh đen biển kiểm soát 17M1-0303, trị giá 5.000.000 đồng quá trình trộm cắp bị cáo T làm đổ hư hỏng, chị H không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, cần được chấp nhận.

- Anh Mai Văn H, sinh năm 1984, trú tại thôn D, xã P yêu cầu bị cáo Hoàng Trọng T phải bồi thường giá trị 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS màu trắng xanh biển kiểm soát 17B3-157.89 là 8.200.000 đồng, cần được chấp nhận.

- Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1967, trú tại thôn K, xã A yêu cầu bị cáo Hoàng Trọng T phải bồi thường số tiền ông đã bỏ ra chuộc lại xe là 10.000.000 đồng và số tiền 1.000.000 đồng, ông phải đi làm lại giấy phép lái xe và các giấy tờ có liên quan khác, tổng là 11.000.000 đồng nên cần được chấp nhận.

- Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1983, trú tại thôn K, xã A yêu cầu các bị cáo Hoàng Trọng T và Nguyễn Văn T phải bồi thường số tiền 7.000.000 đồng, anh D đã bỏ ra để chuộc lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu xanh đen bạc, biển kiểm soát 17B3-238.03, cần được chấp nhận.

Đối với 03 con gà có trị giá 450.000 đồng, các bị cáo Tr, T trộm cắp của ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1974, trú tại thôn K, xã A, quá trình điều tra ông T không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên cần được chấp nhận.

- Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1964 ở thôn K, xã A yêu cầu các bị cáo Hoàng TrọngT và Nguyễn Văn T phải bồi thường giá trị của 01 chiếc xe đạp

điện nhãn hiệu Giant m133s sơn màu đen, là 3.000.000 đồng cần được chấp nhận.

- Ông Trần Văn T, sinh năm 1963, trú tại thôn T, xã M, huyện Đông Hưng, Thái Bình yêu cầu các bị cáo Hoàng Trọng T và Khúc Tiến N phải bồi thường giá trị 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave S, sơn màu đỏ xám đen, biển kiểm soát 17M3-1507 là 3.000.000 đồng; 01 điện thoại di động Sam Sung J5 là 2.720.000 đồng và 01 điện thoại di động Nokia 105 là 140.000 đồng. Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 5.860.000 đồng, cần được chấp nhận.

Đối với chiếc 01 Ipad trị giá 1.440.000 đồng quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu lại và trả cho ông T không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường.

- Ông Bùi Đức C, sinh năm 1950, ở thôn A, xã Đ, huyện Quỳnh Phụ, Thái Bình yêu cầu các bị cáo Hoàng Trọng T và Khúc Tiến N phải bồi thường giá trị 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave sơn màu đỏ đen, biển kiểm soát 25F1-9231 là 4.500.000 đồng, cần được chấp nhận.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha EXCITER màu đỏ-đen, biển kiểm soát 36B6-965.05, trị giá 33.250.000 đồng. Cơ quan điều tra Công an thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa đã quản lý được xe tại cơ sở cầm đồ của ông Nguyễn Khắc T và đã trả lại cho chủ sở hữu anh Nguyễn Viết H, sinh năm 2003 - trú tại: Thôn *, xã T, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, anh H đã nhận lại xe và xác định xe còn nguyên vẹn nên không yêu cầu bị cáo Khúc Tiến N bồi thường. Ông Nguyễn Khắc T không yêu cầu bị cáo Khúc Tiến N phải hoàn trả lại số tiền 7.000.000 đồng mà ông T đã bỏ ra để mua xe cần được chấp nhận.

[4] Trong vụ án này:

- Đối với bị cáo Hoàng Trọng T có hành vi 12 lần trộm cắp tài sản (5 lần trở lên), tuy nhiên quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã tiến hành ghi lời khai của mẹ đẻ bị cáo xác định bị cáo ở chung cùng gia đình ban ngày bị cáo vẫn đi làm tự do và có đưa lương cho bố mẹ, bên cạnh đó số tiền trộm cắp được bị cáo T sử dụng vào việc chơi điện tử và tiêu xài cá nhân, không lấy việc trộm cắp được là nghề sinh sống chính nên không áp dụng tình tiết định khung "có tính chất chuyên nghiệp" tại điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự đối với bị cáo là phù hợp.

- Đối với bị cáo Nguyễn Văn T, có hành vi trộm cắp 03 con gà nhà ông Nguyễn Đức V, sinh năm 1949, ở thôn B, xã L, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình trị giá 780.000đ *(Bảy trăm tám mươi nghìn đồng)* và 09 con gà nhà ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1975, ở thôn B, xã L, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình trị giá 396.000đ *(Ba trăm chín mươi sáu nghìn đồng)*, Công an huyện

Đông Hưng đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bị cáo Nguyễn văn T.

- Đối với ông Nguyễn Khắc T chủ hiệu cầm đồ tại xã A, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình ông T thừa nhận có cầm cố 01 xe mô tô Exciter biển kiểm soát 36B6-965.05 là xe bị cáo Khúc Tiến N trộm cắp ở Thanh Hóa mang đến. Khi cầm cố ông T không biết là tài sản do trộm cắp được mà có nên không có căn cứ xử lý ông T về tội: "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Đối với việc cầm cố xe không có giấy tờ, vi phạm điểm d khoản 2 Điều 11 Nghị định 167/2013 ngày 12/11/2013 của Chính phủ, Công an huyện Đông Hưng đã ban hành công văn yêu cầu Công an huyện Quỳnh Phụ xử phạt hành chính đối với ông T theo thẩm quyền. Đối với các xe mô tô khác do các bị cáo N, T và Đ khai cầm cố tại hiệu cầm đồ của ông T, quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa các bị cáo với ông T nhưng ông T khai không nhớ do không có giấy tờ ghi chép lại, ngoài lời khai của các bị cáo, không có chứng cứ nào khác chứng minh nên không có căn cứ xử lý.

- Đối với anh Nguyễn Như T chủ hiệu cầm đồ T, anh T khai không nhớ bị cáo T và N có đến quán cầm đồ của anh cầm cố tài sản hay không do anh không ghi chép lại đầy đủ. Tiến hành kiểm tra tại cơ sở cầm đồ của anh T không phát hiện có những tài sản mà bị cáo T và N đã trộm cắp được nên không có căn cứ xử lý.

- Đối với anh Bùi Văn T là người đã nhận cầm cố chiếc xe mô tô biển kiểm soát 17B3-238.03, anh Bùi Văn T là người đã nhận cầm cố chiếc xe mô tô biển kiểm soát 17M3-7213 và anh Phạm Văn N người đã nhận cầm cố chiếc Ipad do các bị cáo trộm cắp, nhưng khi nhận cầm cố anh T, anh T và anh N đều không biết đó là tài sản do trộm cắp nên không có căn cứ xử lý về tội: "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

- Đối với Nguyễn Xuân T, bị cáo T khai: Tùng đã dùng xe mô tô chở bị cáo T đi trộm cắp 01 chiếc điện thoại Iphone 6S plus của bà Đinh Thị T tại xã Đ, sau khi bị cáo T trộm cắp được thì T lại đón T về. Sau khi trộm cắp được điện thoại T không nói cho T biết và sau khi bán được điện thoại T cũng không chia tiền cho T. Quá trình điều tra T không có mặt tại địa phương nên không lấy được lời khai của T. Ngoài lời khai của T không có căn cứ chứng minh T đồng phạm nên không có căn cứ xử lý.

- Đối với các xe mô tô nhãn hiệu Dream của N, Sirius của bị cáo T và Dream của Đ đều không rõ biển kiểm soát là phương tiện các bị cáo sử dụng để phạm tội. Quá trình điều tra các bị cáo đều khai mua xe của người đi đường, không rõ nguồn gốc xe với giá rẻ, xe không có giấy tờ, do không có tiền chi

tiêu cá nhân nên các bị cáo N và Đ đã bán xe cho Nguyễn Khắc T, còn bị cáo T đã bán cho 01 người đi đường, không rõ tên tuổi, địa chỉ nên không thu hồi được.

- Đối với 02 chiếc điện thoại di động của bị cáo Hoàng Trọng T và Nguyễn Văn T sử dụng để rủ nhau đi trộm cắp tài sản, các bị cáo đã bán không xác định được người mua nên không thu hồi được.

[5] ***Về vật chứng:*** Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Buộc bị cáo Nguyễn Trọng Đ phải nộp lại số tiền 10.000.000 đồng do thu lợi bất chính từ việc tiêu thụ chiếc xe nhãn hiệu SUPER DREAM biển kiểm soát 17M3-7213 và 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave Alpha biển kiểm soát 17B3-238.03.

- Đối với 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Masstel, loại máy bán phím, vỏ màu đen đã qua sử dụng, số Imei 355314102112725 thu của bị cáo Khúc Tiến N, bị cáo không dùng vào việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo Khúc Tiến N.

[6] ***Về án phí:*** Các bị cáo Hoàng Trọng T, Khúc Tiến N, Nguyễn Văn T và Nguyễn Trọng Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; Các bị cáo Hoàng Trọng T, Khúc Tiến N, Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] ***Quyền kháng cáo:*** Các bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Các bị cáo Hoàng Trọng Tr (Nguyễn Trọng T), Khúc Tiến N, Nguyễn Văn T phạm tội: *"Trộm cắp tài sản"*.

Bị cáo Nguyễn Trọng Đ phạm tội: *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"*.

2. Áp dụng điều luật và hình phạt:

+ Áp dụng điểm c , g khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s, r khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Trọng T (Nguyễn Trọng T) **05** *(năm)* năm tù giam, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 20/02/2020.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g, h (tái phạm) khoản 1 Điều 52; điểm s, r khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Khúc Tiến N **03** *(ba)* năm tù giam, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 15/02/2020.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T **02** (hai) năm tù giam, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 17/02/2020.

+ Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 323; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng Đ **03** *(ba)* năm **06** *(sáu)* tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 05/5/2020.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Hoàng Trọng T, Khúc Tiến N, Nguyễn Văn T và Nguyễn Trọng Đ.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 587, 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Buộc bị cáo Hoàng Trọng T phải bồi thường cho ông Mai Văn B, sinh năm 1968, trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình số tiền 8.200.000đ *(Tám triệu hai trăm ngàn đồng)*.

- Buộc bị cáo Hoàng Trọng T phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1983, trú tại thôn K, xã A, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình số tiền 7.700.000 đồng *(Bảy triệu bảy trăm nghìn đồng)*.

- Buộc bị cáo Hoàng Trọng T phải bồi thường cho bà Đinh Thị T, sinh năm 1969, trú tại thôn T, xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình số tiền 1.400.000 đồng *(Một triệu bốn trăm nghìn đồng)*.

- Buộc bị cáo Hoàng Trọng T phải bồi thường cho anh Bùi Văn D, sinh năm 1974, trú tại thôn C, xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình số tiền 7.070.000 đồng *(Bảy triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng)*.

- Buộc bị cáo Hoàng Trọng T phải bồi thường cho ông Bùi Ngọc X, sinh năm 1948, trú tại thôn Đ, xã T, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình số tiền 11.500.000 đồng *(Mười một triệu năm trăm nghìn đồng)*.

- Buộc bị cáo Hoàng Trọng T phải bồi thường cho chị Vũ Thị H, sinh năm 1977, trú tại thôn Đ, xã T, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình số tiền 6.000.000 đồng *(Sáu triệu đồng)*.

- Buộc bị cáo Hoàng Trọng T phải bồi thường cho anh Mai Văn H, sinh năm 1984, trú tại thôn D, xã P, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình 8.200.000 đồng *(Tám triệu hai trăm nghìn đồng)*.

- Buộc bị cáo Hoàng Trọng T phải bồi thường cho ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1967, trú tại thôn K, xã A, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình số tiền 11.000.000 đồng *(Mười một triệu đồng)*.

- Buộc các bị cáo Hoàng Trọng T và Nguyễn Văn T phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1983, trú tại thôn K, xã A, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình 7.000.000 đồng. Trong đó kỷ phần bị cáo T phải bồi thường 6.700.000 đồng, bị cáo Tưởng phải bồi thường 300.000 đồng.

- Buộc các bị cáo Hoàng Trọng T và Nguyễn Văn T phải bồi thường ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1964 ở thôn K, xã A, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình số tiền 3.000.000 đồng *(Ba triệu đồng)*. Trong đó kỷ phần bị cáo bị cáo Trung phải bồi thường 1.000.000 đồng, bị cáo T phải bồi thường 2.000.000 đồng.

- Buộc các bị cáo Hoàng Trọng T và Khúc Tiến N phải bồi thường cho ông Trần Văn T, sinh năm 1963, trú tại thôn T, xã M, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình số tiền 5.680.000 đồng *(Năm triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng)*. Trong đó mỗi bị cáo phải bồi thường 2.930.000 đồng.

- Buộc các bị cáo Hoàng Trọng T và Khúc Tiến N phải bồi thường cho ông Bùi Đức C, sinh năm 1950, ở thôn A, xã Đ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình số tiền 4.500.000 đồng *(Bốn triệu năm trăm nghìn đồng)*. Trong đó kỷ phần bị cáo T phải bồi thường 2.250.000 đồng, bị cáo N phải bồi thường 2.250.000 đồng.

4. Về vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Buộc bị cáo Nguyễn Trọng Đ phải nộp lại số tiền 10.000.000 đồng do thu lợi bất chính từ việc tiêu thụ chiếc xe nhãn hiệu SUPER DREAM biển kiểm soát 17M3-7213 và 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave Alpha biển kiểm soát 17B3-238.03.

- Trả lại bị cáo Khúc Tiến N 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Masstel, loại máy bán phím, vỏ màu đen đã qua sử dụng, số Imei 355314102112725 nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Các bị cáo Hoàng Trọng Trung, Khúc Tiến N, Nguyễn Văn T và Nguyễn Trọng Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Hoàng Trọng T phải chịu 3.697.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Khúc Tiến N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Các bị cáo Hoàng Trọng T, Khúc Tiến N, Nguyễn Văn T, Nguyễn Trọng Đ; Các bị hại ông Nguyễn Đình T, ông Nguyễn Đình T, ông Trần Văn T, ông Bùi Đức C, bà Đinh Thị T, anh Mai Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Thái Bình;*
- *VKSND tỉnh Thái Bình;*
- *Sở tư pháp tỉnh Thái Bình;*
- *VKSND huyện Đông Hưng;*
- *Công an huyện Đông Hưng;*
- *Chi cục THADS huyện Đông Hưng;*
- *Bị cáo; Bị hại; Người có QLNVLQ;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Hoàng Văn Thành